## **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**



**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Logo, company name

Description automatically generated

**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN**

**MÔN LẬP TRÌNH NET NÂNG CAO**

**TÊN ĐỀ TÀI**

**XÂY DỰNG WEBSITE GIỚI THIỆU VÀ**

**BÁN CÁC MẶT HÀNG SỮA**

Giảng viên hướng dẫn: **ThS Phạm Văn Tiệp**

Sinh viên thực hiện:

**1. 1351020012 Nguyễn Tiến Dũng**

**Hà nội, ngày tháng năm 2022**

## **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**



**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

****

**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN**

**MÔN THIẾT KẾ WEB 2**

**TÊN ĐỀ TÀI**

**XÂY DỰNG WEBSITE GIỚI THIỆU VÀ**

**BÁN CÁC MẶT HÀNG SỮA**

Giảng viên hướng dẫn: **ThS Phạm Văn Tiệp**

Sinh viên thực hiện:

**1. 1351020012 Nguyễn Tiến Dũng**

***Hà Nội, tháng … năm 2022***

# 

# MỞ ĐẦU

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và những ứng dụng của nó trong đời sống. Máy tính không còn là một thứ phương tiện lạ lẫm đối với mọi người mà nó dần trở thành một công cụ làm việc và giải trí thông dụng và hữu ích của chúng ta, không chỉ ở công sở mà còn ngay cả trong gia đình.

Trong nền kinh tế hiện nay, với xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, mọi mặt của đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, đặc biệt là nhu cầu trao đổi hàng hoá của con người ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay các công ty tin học hàng đầu thế giới không ngừng đầu tư và cải thiện các giải pháp cũng như các sản phẩm nhằm cho phép tiến hành thương mại hóa trên Internet. Thông qua các sản phẩm và công nghệ này, chúng ta dễ dàng nhận ra tầm quan trọng và tính tất yếu của thương mại điện tử.

Với những thao tác đơn giản trên máy tính, điện thoại có nối mạng Internet, Wifi bạn sẽ có tận tay mua những gì mình cần mà không phải mất nhiều thời gian. Bạn chỉ cần vào các trang dịch vụ thương mại điện tử, làm theo hướng dẫn và click vào những gì bạn cần. Các nhà dịch vụ sẽ mang đến tận nhà cho bạn.

Để tiếp cận và góp phần đẩy mạnh sự phổ biến của thương mại điện tử ở Việt Nam, chúng em đã tìm hiểu và xây dựng một “Xây dựng website giới thiệu và bán các mặt hàng sữa” với mặt hàng là các loại sữa tươi, kem, sữa chua.

Cùng với sự chỉ bảo tận tình của thầy **ThS Phạm Văn Tiệp** chúng em đã hoàn thành website này. Trong quá trình phân tích thiết kế không thể tránh khỏi những sai sót mong thầy, cô và các bạn đóng góp ý kiến để website được hoàn thiện hơn.

# LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực báo cáo với sự giúp đỡ tạo điều kiện của trường Đại Học Đại Nam, sự góp ý của các bạn và đặc biệt là sự hướng dẫn trực tiếp, chỉ bảo tận tình của giảng viên bộ môn **ThS Phạm Văn Tiệp** chúng em đã hoàn thành đề tài cùng với bản báo cáo đúng thời gian quy định.

Với khả năng và thời gian có hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót, nhóm em rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của thầy cô giáo để chúng em hoàn thiện hơn đề tài nghiên cứu trong thời gian tới.

Một lần nữa chúng em xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy, cô giáo trong trường Đại Học Đại Nam dạy dỗ, chỉ bảo chúng em trong suốt thời gian học.

Đặc biệt chúng em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới thầy giáo **ThS Phạm Văn Tiệp** đã hướng dẫn suốt quá trình làm báo cáo.

Chúng em xin chân thành *cảm ơn*!

**MỤC LỤC**

[MỞ ĐẦU 3](#_Toc104727597)

[LỜI CẢM ƠN 4](#_Toc104727598)

[CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI: 10](#_Toc104727599)

[1.Giới thiệu về đề tài 10](#_Toc104727600)

[2.Giới thiệu về framework Asp .Net Core 10](#_Toc104727602)

[3.Giới thiệu về Visual Studio 12](#_Toc104727605)

[CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 14](#_Toc104727606)

[1. Khảo sát và phát biểu bài toán: 14](#_Toc104727607)

[2. Xây Dựng Cơ Sở Dữ Liệu: 16](#_Toc104727608)

[3. Xác Định Actor Và Usecase 23](#_Toc104727609)

[3.1. Đặc tả chức năng Đăng nhập – Đăng xuất – Đăng ký 24](#_Toc104727610)

[3.2. Đặc tả chức năng quản lý sản phẩm 30](#_Toc104727613)

[3.3. Đặc tả chức năng quản lý danh mục 36](#_Toc104727617)

[3.4. Đặc tả chức năng Quản lý tin tức 40](#_Toc104727620)

[3.5. Đặc tả chức năng quản lý giỏ hàng 46](#_Toc104727624)

[4. Thiết kế giao diện: 50](#_Toc104727627)

[KẾT LUẬN 63](#_Toc104727628)

[TƯ LIỆU THAM KHẢO 64](#_Toc104727629)

**MỤC LỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ:**

[Bảng 1. 1 Bảng Account 17](#_Toc104727725)

[Bảng 1. 2 Bảng Role Account 17](#_Toc104727726)

[Bảng 1. 3 Bảng Khách hàng 18](#_Toc104727727)

[Bảng 1. 4 Bảng Danh mục sản phẩm 19](#_Toc104727728)

[Bảng 1. 5 Bảng Sản phẩm 20](#_Toc104727729)

[Bảng 1. 6 Bảng Đơn hàng 21](#_Toc104727730)

[Bảng 1. 7 Bảng Chi tiết đơn hàng 21](#_Toc104727731)

[Bảng 1. 8 Bảng Trạng thái đơn hàng 22](#_Toc104727732)

[Bảng 1. 9 Bảng Quản lý shipper 22](#_Toc104727733)

[Bảng 1. 10 Bảng Quản lý shipper 23](#_Toc104727734)

[Bảng 1. 11 Bảng Actor Và Usecase 24](#_Toc104727735)

[Bảng 1. 12 Đặc tả Use case Đăng nhập 25](#_Toc104727736)

[Bảng 1. 13 Đặc tả Use case Đăng xuất 27](#_Toc104727737)

[Bảng 1. 14 Đặc tả Use case Đăng ký tài khoản 29](#_Toc104727738)

[Bảng 1. 15 Chức năng thêm sản phẩm 31](#_Toc104727739)

[Bảng 1. 16 Chức năng sửa sản phẩm 33](#_Toc104727740)

[Bảng 1. 17 Chức năng xóa sản phẩm 35](#_Toc104727741)

[Bảng 1. 18 Đặc tả chức năng thêm danh mục 37](#_Toc104727742)

[Bảng 1. 19 Đặc tả chức năng Sửa danh mục 39](#_Toc104727743)

[Bảng 1. 20 Chức năng thêm tin tức 41](#_Toc104727744)

[Bảng 1. 21 Chức năng sửa tin tức 43](#_Toc104727745)

[Bảng 1. 22 Chức năng xóa tin tức 45](#_Toc104727746)

[Bảng 1. 23 Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ 47](#_Toc104727747)

[Bảng 1. 24 Chức năng Xóa sản phẩm trong giỏ 49](#_Toc104727748)

[Biểu đồ 1. 1 Biểu đồ trình tự đăng nhập 26](#_Toc104727762)

[Biểu đồ 1. 2 Biểu đồ hoạt động Đăng nhập 26](#_Toc104727763)

[Biểu đồ 1. 3 Biểu đồ trình tự đăng xuất 27](#_Toc104727764)

[Biểu đồ 1. 4 Biểu đồ hoạt động Đăng xuất 28](#_Toc104727765)

[Biểu đồ 1. 5 Biểu đồ trình tự đăng ký 29](#_Toc104727766)

[Biểu đồ 1. 6 Biểu đồ hoạt động Đăng ký 30](#_Toc104727767)

[Biểu đồ 1. 7 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm 31](#_Toc104727768)

[Biểu đồ 1. 8 Biểu đồ hoạt động thêm Sản phẩm 32](#_Toc104727769)

[Biểu đồ 1. 9 Biểu đồ trình tự Sửa sản phẩm 33](#_Toc104727770)

[Biểu đồ 1. 10 Biểu đồ hoạt động sửa Sản phẩm 34](#_Toc104727771)

[Biểu đồ 1. 11 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm 35](#_Toc104727772)

[Biểu đồ 1. 12 Biểu đồ hoạt động xóa Sản phẩm 36](#_Toc104727773)

[Biểu đồ 1. 13 Biểu đồ trình tự Thêm danh mục 37](#_Toc104727774)

[Biểu đồ 1. 14 Biểu đồ hoạt động Thêm danh mục 38](#_Toc104727775)

[Biểu đồ 1. 15 Biểu đồ trình tự Sửa danh mục 39](#_Toc104727776)

[Biểu đồ 1. 16 Biểu đồ hoạt động Sửa danh mục 40](#_Toc104727777)

[Biểu đồ 1. 19 Biểu đồ trình tự Thêm tin tức 41](#_Toc104727778)

[Biểu đồ 1. 20 Biểu đồ hoạt động Thêm tin tức 42](#_Toc104727779)

[Biểu đồ 1. 21 Biểu đồ trình tự Sửa tin tức 43](#_Toc104727780)

[Biểu đồ 1. 22 Biểu đồ hoạt động Sửa tin tức 44](#_Toc104727781)

[Biểu đồ 1. 23 Biểu đồ trình tự Xóa tin tức 45](#_Toc104727782)

[Biểu đồ 1. 24 Biểu đồ hoạt động Xóa tin tức 46](#_Toc104727783)

[Biểu đồ 1. 25 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm vào giỏ 47](#_Toc104727784)

[Biểu đồ 1. 26 Biểu đồ hoạt động Thêm SP vào Giỏ 48](#_Toc104727785)

[Biểu đồ 1. 27 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm trong giỏ 49](#_Toc104727786)

[Biểu đồ 1. 28 Biểu đồ hoạt động Xóa SP trong Giỏ 50](#_Toc104727787)

**MỤC LỤC HÌNH ẢNH**

[Hình 1. 1 Biểu đồ lớp Cơ Sở Dữ Liệu 16](#_Toc104727791)

[Hình 1. 2 Giao diện Đăng nhập 51](#_Toc104727792)

[Hình 1. 3 Giao diện Đăng ký 51](#_Toc104727793)

[Hình 1. 4 Giao diện trang chủ (1) 52](#_Toc104727794)

[Hình 1. 5 Giao diện trang chủ (2) 52](#_Toc104727795)

[Hình 1. 6 Giao diện trang chủ (3) 53](#_Toc104727796)

[Hình 1. 7 Giao diện trang sản phẩm (1) 53](#_Toc104727797)

[Hình 1. 8 Giao diện trang sản phẩm (2) 54](#_Toc104727798)

[Hình 1. 9 Giao diện chi tiết sản phẩm (1) 54](#_Toc104727799)

[Hình 1. 10 Giao diện chi tiết sản phẩm (2) 55](#_Toc104727800)

[Hình 1. 11 Giao diện tin tức 55](#_Toc104727801)

[Hình 1. 12 Giao diện chi tiết tin tức 56](file:///D:\TONG%20HOP%20BTL\BTL%20NET%20NANG%20CAO\BaoCaoAspDotNetCore.docx#_Toc104727802)

[Hình 1. 13 Giao diện giỏ hàng 56](#_Toc104727803)

[Hình 1. 14 Giao diện thông tin người dùng 57](#_Toc104727804)

[Hình 1. 15 Giao diện đổi mật khẩu 57](#_Toc104727805)

[Hình 1. 16 Giao diện Admin dashboard 58](#_Toc104727806)

[Hình 1. 17 Giao diện Quản lý sản phẩm 58](#_Toc104727807)

[Hình 1. 18 Giao diện Thêm mới sản phẩm 59](#_Toc104727808)

[Hình 1. 19 Giao diện quản lý khách hàng 59](#_Toc104727809)

[Hình 1. 20 Giao diện quản lý tài khoản 60](#_Toc104727810)

[Hình 1. 21 Giao diện quản lý tin tức 60](#_Toc104727811)

[Hình 1. 22 Giao diện Quản lý danh mục 61](#_Toc104727812)

[Hình 1. 23 Giao diện quản lý thông tin các nhân admin 61](#_Toc104727813)

[Hình 1. 24 Giao diện đổi mật khẩu admin 62](#_Toc104727814)

[Hình 1. 25 Giao diện quản lý quyền truy cập 62](#_Toc104727815)

**BẢNG TÀI KHOẢN DEMO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài khoản** | **Mật khẩu** | **Quyền** |
| dung2001@gmail.com | 123456 | Admin |
| phuong1808@gmail.com | 20012001 | User |

# CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI:

## **1.Giới thiệu về đề tài**

* *Tên đề tài:* Xây dựng website giới thiệu và bán các mặt hàng sữa.

## *Mục Tiêu của Đề Tài:* Xây dựng và thiết kế website giới thiệu và bán các mặt hàng sản phẩm về sữa trên mạng.

* *Đối tượng nghiên cứu của đề tài:* Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là các sản phẩm công nghệ, điện thoại, phụ kiện công nghệ. Nắm bắt và tìm hiểu về framework Asp .Net core.
* *Một số trang chính của Website:*

+ Trang chủ: Đây là trang giới thiệu sơ lược về các sản phẩm mới, các sản phẩm bán chạy.

+ Trang Sản phẩm: Đây là trang mà khách hàng có thể lựa chọn các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, kem, nước giải khát, …

+ Trang Tin tức:

+ Trang Giới thiệu: Giới thiệu về lịch sử thương hiệu và các chính sách của cửa hàng.

+ Trang Hỗ trợ: Gồm hỗ trợ về Dịch vụ, liên hệ và báo cáo khiếu nại.

+ Trang Giỏ hàng:

+ Trang Đăng nhập: Người dùng đăng nhập tài khoản để đặt mua sản phẩm của trang hoặc đăng nhập vào trang quản trị đối với Người quản trị.

+ Trang Cửa hàng: Đây là trang giúp khách hàng xem được vị trí giõ hơn của cửa hàng qua định vị GPS của Google Map để tìm được cửa hàng gần nhất.

## **2.Giới thiệu về framework** **Asp .Net Core**

[**ASP.NET Core**](https://netcore.vn/muc-bai-viet/aspnet-core) là một framework mới của Microsoft. Nó được thiết kế lại từ đầu để trở nên nhanh chóng, linh hoạt và chạy trên được nhiều nền tảng khác nhau. ASP.NET Core là một framework có thể được sử dụng để phát triển web với .NET.

### **ASP.NET Core là gì?**

ASP.NET Core là một web framework mã nguồn và được tối ưu hóa cho cloud để phát triển các ứng dụng web chạy trên nhiều nền tảng như Windows, Linux và Mac. Hiện tại, nó bao gồm MVC framework được kết hợp các tính năng của MVC và Web API thành một web framework duy nhất.

* Các ứng dụng ASP.NET Core có thể chạy trên .NET Core hoặc trên .NET Framework hoàn chỉnh.
* Nó đã được thiết kế để cung cấp một framework tối ưu cho các ứng dụng để triển khai tới cloud hoặc chạy on-premises.
* Nó bao gồm những modular với các thành phần tối thiểu, do đó bạn giữ được tính linh hoạt trong quá trình xây dựng các giải pháp của mình.
* Bạn có thể phát triển và chạy các ứng dụng đa nền tảng từ ASP.NET Core trên Windows, Mac và Linux.

### **2.1 Ưu điểm của ASP.NET Core**

ASP.NET Core đi kèm với những ưu điểm sau:

* ASP.NET Core có một số thay đổi kiến trúc dẫn đến modular framework nhỏ hơn.
* ASP.NET Core không còn dựa trên System.Web.dll. Nó dựa trên một tập hợp nhiều yếu tố của Nuget packages.
* Điều này cho phép bạn tối ưu ứng dụng của mình chỉ cần những NuGet packages cần thiết.
* Lợi ích của diện tích bề mặt ứng dụng nhỏ hơn thì bảo mật chặt chẽ hơn, giảm dịch vụ, cải thiện hiệu suất và giảm chi phí.

**2.2 .Net Core là gì?**

.NET Core là môi trường thực thi. Nó được thiết kế lại hoàn toàn của .NET Framework. Mục tiêu chính của .NET Core là hỗ trợ phát triển ứng dụng đa nền tảng cho ứng dụng .NET. Nó được hỗ trợ trên Windows, Mac OS và Linux. .NET Core là một framework mã nguồn mở được xây dựng và phát triển bởi Microsoft và cộng đồng .NET trên [Github](https://github.com/dotnet/core).

NET Core là một tập con của Full .NET Framwork.

WebForms, Windows Forms, WPF không phải là một phần của .NET Core.

## **3.Giới thiệu về Visual Studio**

Visual studio là một phần mềm hỗ trợ đắc lực hỗ trợ công việc lập trình website. Công cụ này được tạo lên và thuộc quyền sở hữu của ông lớn công nghệ Microsoft. Năm 1997, phần mềm lập trình nay có tên mã Project Boston. Nhưng sau đó, Microsoft đã kết hợp các công cụ phát triển, đóng gói thành sản phẩm duy nhất.

Visual Studio là hệ thống tập hợp tất cả những gì liên quan tới phát triển ứng dụng, bao gồm  trình chỉnh sửa mã, trình thiết kế, gỡ lỗi. Tức là, bạn có thể viết code, sửa lỗi, chỉnh sửa thiết kế ứng dụng dễ dàng chỉ với 1 phần mềm Visual Studio mà thôi.  Không dừng lại ở đó, người dùng còn có thể thiết kế giao diện, trải nghiệm trong Visual Studio như khi phát triển ứng dụng Xamarin, UWP bằng XAML hay Blend vậy.

Được đánh giá là một trong những công cụ lập trình có 1 – 0 – 2, Visual Studio là một lựa chọn tuyệt vời dành cho các lập trình viên. Đặc biệt là khi công cụ này còn sở hữu những ưu điểm vượt trội hơn hẳn bất kỳ IDE nào khác như:

* Ít dung lượng
* Tính năng phong phú, đa dạng và mạnh mẽ
* Hỗ trợ nhiều nền tảng khác nhau (Linux, Windows, Mac)
* Hỗ trợ đa ngôn ngữ (HTML, CSS, C#, F#, C/C++, JSON, JavaScript, …)
* Tính năng Intellisense chuyên nghiệp
* Giao diện thân thiện dễ sử dụng
* Cập nhật đa dạng phiên bản cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau, …

**CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG**

* 1. **Khảo sát và phát biểu bài toán:**
  2. **Phát biểu bài toán:**

Để mở cửa hàng bán các sản phẩm về sữa cho riêng mình thì cần phải xây dựng một website, nhằm giới thiệu các sản phẩm của cửa hàng, để thu hút nhiều khách hàng hơn cũng như việc mua bán trở nên thuận tiện dễ dàng, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

*Đối với khách hàng*

Khách hàng vãng lai cũng như các khách hàng đã là thành viên có thể tìm kiếm thông tin về các sản phẩm, có thể tìm các loại sản phẩm bằng cách cung cấp thông tin về sản phẩm đó.

Sau khi tìm thấy sản phẩm, khách hàng có thể xem thông tin chi tiết về các thông tin của từng sản phẩm và có thể mua một hoặc nhiều sản phẩm.

Khi mua sản phẩm, khách hàng cần tuân thủ các hướng dẫn của cửa hàng (để lại thông tin, phương thức thanh toán, nếu đã có tài khoản thì không cần phải điền nhiều thông tin)

Ngoài ra khách hàng còn có thể liên hệ với cửa hàng qua tin nhắn trực tiếp hoăc thông qua các trang mạng xã hội như facebook, zalo, email...

*Đối với người quản trị hay nhân viên*

Nhập đầy đủ thông tin trước khi xuất hoá đơn cho khách hàng

Quản lý các danh mục sản phẩm có thể thêm các danh mục sản phẩm khi hàng nhập về và thêm vào hệ thống.

Quản lý sản phẩm khi danh mục được tạo và thêm các thuộc tính sản phẩm vào hệ thống.

Nắm rõ tình hình mua bán, doanh thu của cửa hàng. Việc kiểm tra thống kê của người quản lý phải được thực hiện hằng ngày.

Ghi nhận và giải quyết các yêu cầu của khách hàng.

* 1. **Chức năng dự kiến:**

Sau khi thu thập và phân tích yêu cầu của khách hàng, chúng em thấy được rằng một website bán hoa tươi cần có các chức năng cơ bản sau:

*Chức năng đăng nhập:* Cho phép người quản trị đăng nhập vào hệ thống, khi đăng nhập thành công người quản trị sẽ sử dụng được các chức năng của hệ thống.

*Chức năng quản lý danh mục:* Cho phép xem, thêm, cập nhật, xóa, tìm kiếm các thông tin về danh mục sản phẩm.

*Chức năng quản lý sản phẩm:* Cho phép thêm, sửa xóa các thông tin về các mặt hàng sữa (tên sản phẩm, danh mục, hình ảnh, giá cả, nội dung chi tiết, số lượng, ...)

*Tìm kiếm***:** Nhằm giúp cho người dùng có thể tìm kiếm các thông tin sản phẩm, tìm kiếm tin tức ….

*Đặt mua sản phẩm:* Khi khách hàng có nhu cầu mua 1 sản phẩm bất kì nào đó nhưng không đến trực tiếp cửa hàng thì có thể đặt hàng trực tuyến bằng cách điền đấy đủ thông tin của khách hàng vào trang đặt hàng.

*Liên hệ với khách hàng:* Cho phép xem danh sách liên hệ của khách hàng gửi tới như thông tin khách hàng, nội dung liên hệ; cho phép xóa và trả lời lại những liên hệ của khách hàng.

*Giao diện người dùng*

Có giao diện đăng nhập và đăng kí tài khoản trên hệ thống cửa hàng.

Hiển thị được các sản phẩm theo danh mục, kiểu dáng, theo giá.

Cho phép khách hàng tìm kiếm các sản phẩm, xem thông tin chi tiết của sản phẩm, xem được những sản phẩm mới nhất.

Cho phép khách hàng đặt mua sản phẩm.

Cho phép gửi liên hệ, thắc mắc để được cửa hàng giải đáp nhanh nhất có thể.

1. **Xây Dựng Cơ Sở Dữ Liệu:**

Diagram, schematic

Description automatically generated

Hình 1. 1 Biểu đồ lớp Cơ Sở Dữ Liệu

* 1. **Bảng Account:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | AccountID | Int |  | KC | Mã người dùng |
| 2 | TaiKhoan | Varchar |  |  | Tên người dùng |
| 3 | MatKhau | Varchar |  |  | Mật khẩu người dùng |
| 4 | RoleID | Int |  | KP | Mã quyền tài khoản. |
| 5 | CreateDate | DateTime |  |  | Ngày tạo |

Bảng 1. 1 Bảng Account

* 1. **Bảng Role Account:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | RoleID | Nvarchar |  | KC | Mã người dùng |
| 2 | RoleName | Varchar |  |  | Tên quyền |
| 3 | MoTa | NVarchar |  |  | Mô tả quyền truy cập |

Bảng 1. 2 Bảng Role Account

* 1. **Bảng Khách hàng:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tinh** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/Khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaKH | Int | Not null | KC | Mã khách hàng |
| 2 | TenKH | Nvarchar | Not null |  | Tên khách hàng |
| 3 | AvatarKH | Nvarchar |  |  | Đường dẫn avatar khách hàng |
| 4 | GioiTinh | Nvarchar |  |  | Giới tính khách hàng |
| 5 | NgaySinh | DateTime |  |  | Ngày sinh khách hàng |
| 6 | SDT | Int |  |  | Số điện thoại khách hàng |
| 7 | Email | Nvarchar |  |  | Email khách hàng |
| 8 | DiaChi | Nvarchar |  |  | Địa chỉ khách hàng |
| 9 | Password | Varchar |  |  | Mã tài khoản |
| 10 | CreateDate | Date |  |  | Ngày tạo |

Bảng 1. 3 Bảng Khách hàng

* 1. **Bảng Danh mục sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaDM | Int |  | KC | Mã danh mục |
| 2 | TenDM | Varchar |  |  | Tên danh mục |
| 3 | AnhDM | Varchar |  |  | Ảnh danh mục |
| 4 | MoTaDM | NVarchar |  |  | Mô tả danh mục |
| 5 | TrangThai | Bit |  |  | Trạng thái danh mục |

Bảng 1. 4 Bảng Danh mục sản phẩm

* 1. **Bảng Sản phẩm**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tinh** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/Khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaSP | Nvarchar | Not null | KC | Mã sản phẩm |
| 2 | MaDM | Nvarchar | Not null | KP | Mã danh mục |
| 3 | TenSP | Nvarchar |  |  | Tên sản phẩm |
| 4 | AnhSP | DateTime |  |  | Ảnh sản phẩm |
| 5 | VideoSP | Varchar |  |  | Video sản phẩm |
| 6 | GiaSP | Int |  |  | Giá sản phẩm |
| 7 | TrangThai | Bit |  |  | Trạng thái sản phẩm |
| 8 | SoLuong | Int |  |  | Số lượng sản phẩm |
| 9 | BestSeller | Bit |  |  | Sản phẩm bán chạy |
| 10 | CreateDate | Date |  |  | Ngày tạo sản phẩm |
| 11 | NgaySua | Date |  |  | Ngày sửa sản phẩm |
| 12 | MoTaSP | Nvarchar |  |  | Mô tả sản phẩm |

Bảng 1. 5 Bảng Sản phẩm

* 1. **Bảng Đơn hàng**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaDH | Int |  | KC | Mã đơn hàng |
| 2 | MaKH | Int |  | KP | Mã khách hàng |
| 3 | NgayTao | Date |  |  | Ngày tạo đơn |
| 4 | TrangThaiHuyDon | Bit |  |  | Trạng thái hủy đơn |
| 5 | ThanhToan | Bit |  |  | Trạng thái thanh toán |
| 6 | NgayThanhToan | DateTime |  |  | Ngày thanh toán |
| 7 | Note | Nvarchar |  |  | Ghi chú |

Bảng 1. 6 Bảng Đơn hàng

* 1. **Bảng Chi tiết đơn hàng**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaCTDH | Int |  | KC | Mã chi tiết đơn hàng |
| 2 | MaDH | Int |  | KP | Mã đơn hàng |
| 3 | MaSP | Int |  |  | Mã sản phẩm |
| 4 | TongTien | Int |  |  | Tổng tiền đơn hàng |
| 5 | NgayGiao | Date |  |  | Ngày giao hàng |

Bảng 1. 7 Bảng Chi tiết đơn hàng

* 1. **Bảng Trạng thái đơn hàng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaTTDH | Int |  | KC | Mã trạng thái đơn hàng |
| 2 | MaDH | Int |  | KP | Mã đơn hàng |
| 3 | TrangThai | Bit |  |  | Trạng thái đơn hàng |
| 4 | MoTa | Nvarchar |  |  | Mô tả đơn hàng |

Bảng 1. 8 Bảng Trạng thái đơn hàng

* 1. **Bảng Quản lý shipper**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaShipper | Nvarchar |  | KC | Mã người dùng |
| 2 | MaDH | Varchar |  | KP | Mã đơn hàng |
| 3 | TenShipper | Varchar |  |  | Tên shipper |
| 4 | NgayLayHang | Date |  |  | Ngày shipper lấy hàng |
| 5 | Phone | Int |  |  | Điện thoại shipper |
| 6 | TenCongTy |  |  |  | Tên công ty quản lý của shipper |

Bảng 1. 9 Bảng Quản lý shipper

* 1. **Bảng Tin tức**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu độ rộng** | **Ràng buộc** | **Khoá chính/khoá phụ** | **Mô tả** |
| 1 | MaTT | Int |  | KC | Mã tin tức |
| 2 | TenTT | Nvarchar |  |  | Tên tin tức |
| 3 | AnhTT | Varchar |  |  | Ảnh tin tức |
| 4 | MoTaNgan | Nvarchar |  |  | Mô tả ngấn |
| 5 | MoTaDai | Nvarchar |  |  | Mô tả dài |
| 6 | TacGia | Nvarchar |  |  | Tên tác giả |
| 7 | CreateDate | Date |  |  | Ngày tạo |

Bảng 1. 10 Bảng Quản lý shipper

1. **Xác Định Actor Và Usecase**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **ACTOR** | **USECASE** |
| **1** | **Admin** | * Quản đơn hàng: xem thông tin đơn hàng * Quản lý sản phẩm: Thêm, sửa, xóa sản phẩm * Quản lý tin tức: Thêm, sửa, xóa tin tức * Quản lý tài khoản: Xem và phân quyền tài khoản * Quản lý danh mục: Thêm, sửa danh mục. * Quản lý khách hàng: Xem thông tin khách hàng. * Đăng nhập/Đăng xuất. * Thống kê   + Thống kê doanh thu  + Thống kê dữ liệu |
| **2** | **Khách Hàng** | * Đăng ký tài khoản * Quản lý giỏ hàng: Thêm, xóa sản phẩm trong giỏ. * Tìm kiếm * Đặt hàng * Quản lý tài khoản cá nhân   + Đổi mật khẩu  + Thay đổi thông tin   * Đăng nhập/Đăng xuất |

Bảng 1. 11 Bảng Actor Và Usecase

* 1. **Đặc tả chức năng Đăng nhập – Đăng xuất – Đăng ký**
     1. **Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin (Quản trị), Nhân viên, Khách hàng |
| Mục đích | Cho phép người dùng truy cập vào hệ thống Website. |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã có tài khoản trên hệ thống. |
| Mô tả chung | Admin (Quản trị), nhân viên muốn thực hiện công việc hay chức năng của mình, hoặc khách hàng muốn mua mua đồ thì phải đăng nhập vào hệ thống.  Tất cả các trường trong màn hình bao gồm username, password đều là trường bắt buộc. Nếu bỏ trống, hệ thống có thông báo lỗi ‘ không được để trống’. |
| Luồng sự kiện | 1. Tại trang chủ chọn chức năng đăng nhập  2. Hiển thị form đăng nhập  3. Nhập thông tin đăng nhập (username, password)  4. Gửi thông tin đăng nhập tới hệ thống  5. Kiểm tra thông tin đăng nhập, nếu đúng thì cho phép truy cập hệ thống, sai thì thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. |
| Ngoại lệ | 3.1. fields không được để trống  5.1.Hệ thống thông báo đăng nhập thất bại. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Ngược lại, người dùng chưa đăng nhập hoặc đăng xuất thì:  Những lần đăng nhập tiếp theo phải đăng nhập lại. |

Bảng 1. 12 Đặc tả Use case Đăng nhập

**A picture containing diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 1 Biểu đồ trình tự đăng nhập

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 2 *Biểu đồ hoạt động Đăng nhập*

* + 1. **Đặc tả chức năng Đăng xuất.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên UC** | **Đăng xuất** |
| Tác nhân | Quản lý, khách hàng |
| Mục đích | Đăng xuất hệ thống |
| Mô tả | Người sử dụng thoát khỏi hệ thống |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người sử dụng chọn chức năng “Đăng xuất” 2. Hệ thống chuyển về “Trang chủ” |

Bảng 1. 13 Đặc tả Use case Đăng xuất

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 3 Biểu đồ trình tự đăng xuất

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 4 Biểu đồ hoạt động Đăng xuất

* + 1. **Đặc tả chức năng Đăng ký tài khoản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên UC** | **Đăng kí tài khoản** |
| Tác nhân | Khách xem |
| Mục đích | Đăng ký hệ thống |
| Mô tả | Người dùng đăng ký làm thành viên của hệ thống |
| Tiền điều kiện | Khách xem chưa có tài khoản hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người sử dụng chọn chức năng “Đăng ký”. 2. Hệ thống hiển thị form “Đăng ký”. 3. Người sử dụng nhập thông tin vào form “Đăng ký tài khoản” 4. Hệ thống lưu thông tin khách hàng vào CSDL và chuyển sang form “Thông tin”. 5. Hệ thống lưu thông tin khách hàng và CSDL và chuyển sang trang “Sản phẩm” |
| Luồng sự kiện phụ | 3.1 Nhập sai định dạng Email, password, yêu càu nhập lại  3.2 Nhập thiếu thông tin: email, usename, password, confirm password, yêu câgu nhập đầy đủ  3.3. Nhập password và confirm password không trùng nhau, yêu càu nhập lại  3.4 Thông tin tài khoản đã tồn tại trong CSDL, thông báo tài khoản đã tồn tại  4.1 Nhập sai định dạng thông tin của form, yêu cầu nhập lại  4.2 Nhập thiếu thông tin form, yêu cầu nhập đầy đủ   * 1. Bỏ trống thông tin, yêu cầu nhập đầy đủ |

Bảng 1. 14 Đặc tả Use case Đăng ký tài khoản

***Diagram

Description automatically generated***

Biểu đồ 1. 5 Biểu đồ trình tự đăng ký

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 6 *Biểu đồ hoạt động Đăng ký*

* 1. **Đặc tả chức năng quản lý sản phẩm**
     1. *Chức năng thêm sản phẩm*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Thêm sản phẩm cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn thêm sản phẩm trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống. Tiếp theo điền đầy đủ thông tin về sản phẩm, sản phẩm đó sẽ được hiển thị lên danh sách sản phẩm |
| Luồng sự kiện | 1.Chọn Quản lý sản phẩm và chọn Thêm mới  2.Hiển thị màn hình thêm mới sản phẩm  3.Nhập thông tin yêu cầu và gửi tới hệ thống.  4.Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách sản phẩm và trang chủ website |
| Ngoại lệ | 3.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  4.1. Hệ thống thông báo Thêm thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý sản phẩm và nút thêm mới |

Bảng 1. 15 *Chức năng thêm sản phẩm*

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 7 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 8 *Biểu đồ hoạt động thêm Sản phẩm*

* + 1. *Chức năng sửa sản phẩm*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Sửa sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Sửa sản phẩm có trong hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn sửa sản phẩm trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có sản phẩm cần sửa. Tiếp theo điền đầy đủ các thông tin cần sửa, sản phẩm đó sẽ được cập nhật lại và hiển thị danh sách sản phẩm |
| Luồng sự kiện | 1.Chọn Quản lý sản phẩm ( có thể chọn Danh sách)  2.Hiển thị danh sách các sản phẩm  3.Chọn sản phẩm cần sửa. Kích sửa  4.Hiển thị màn hình sửa sản phẩm  5.Nhập thông tin cần sửa và gửi tới hệ thống.  6.Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách sản phẩm và trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 5.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  6.1. Hệ thống thông báo Sửa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý sản phẩm và nút sửa |

Bảng 1. 16 *Chức năng sửa sản phẩm*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 9 Biểu đồ trình tự Sửa sản phẩm

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 10 *Biểu đồ hoạt động sửa Sản phẩm*

* + 1. *Chức năng xóa sản phẩm*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Xóa sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Xóa sản phẩm của nhân viên |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn xóa sản phẩm trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có sản phẩm cần xóa. Khi xóa sản phẩm đi hệ thống sẽ tự động cập nhật lại, sản phẩm đó sẽ bị xóa khỏi danh sách. |
| Luồng sự kiện | 1.Chọn Quản lý sản phẩm và chọn Danh sách  2.Hiển thị danh sách các sản phẩm  3.Chọn sản phẩm cần xóa. Kích xóa  4.Kiểm tra hợp lệ thì sản phẩm đó sẽ được xóa khỏi danh sách và ở trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 4.1. Hệ thống thông báo xóa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý sản phẩm và nút xóa |

Bảng 1. 17 *Chức năng xóa sản phẩm*

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 11 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 12 *Biểu đồ hoạt động xóa Sản phẩm*

* 1. **Đặc tả chức năng quản lý danh mục**
     1. *Đặc tả chức năng thêm danh mục*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm danh mục |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Thêm danh mục cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn thêm danh mục trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống. Tiếp theo điền đầy đủ thông tin về danh mục, danh mục đó sẽ được hiển thị lên danh sách danh mục |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý danh mục và chọn Thêm mới 2. Hiển thị màn hình thêm mới danh mục 3. Nhập thông tin yêu cầu và gửi tới hệ thống. 4. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách danh mục và trang chủ website |
| Ngoại lệ | 3.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  4.1. Hệ thống thông báo Thêm thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý danh mục và nút thêm mới |

Bảng 1. 18 *Đặc tả chức năng thêm danh mục*

Biểu đồ trình tự Thêm danh mục

***Diagram

Description automatically generated***

Biểu đồ 1. 13 Biểu đồ trình tự Thêm danh mục

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 14 *Biểu đồ hoạt động Thêm danh mục*

* + 1. *Đặc tả chức năng Sửa danh mục*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Sửa danh mục |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Sửa danh mục có trong hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn sửa danh mục trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có danh mục cần sửa. Tiếp theo điền đầy đủ các thông tin cần sửa, danh mục đó sẽ được cập nhật lại và hiển thị danh sách danh mục |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý danh mục ( có thể chọn Danh sách) 2. Hiển thị danh sách các danh mục 3. Chọn danh mục cần sửa. Kích sửa 4. Hiển thị màn hình sửa danh mục 5. Nhập thông tin cần sửa và gửi tới hệ thống. 6. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách danh mục và trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 5.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  6.1. Hệ thống thông báo Sửa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý danh mục và nút sửa |

Bảng 1. 19 *Đặc tả chức năng Sửa danh mục*

***Diagram

Description automatically generated***

Biểu đồ 1. 15 Biểu đồ trình tự Sửa danh mục

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 16 *Biểu đồ hoạt động Sửa danh mục*

* 1. **Đặc tả chức năng Quản lý tin tức**

### *Chức năng thêm tin tức*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm tin tức |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Thêm tin tức cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn thêm tin tức trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống. Tiếp theo điền đầy đủ thông tin về tin tức, tin tức đó sẽ được hiển thị lên danh sách tin tức |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý tin tức và chọn Thêm mới 2. Hiển thị màn hình thêm mới tin tức 3. Nhập thông tin yêu cầu và gửi tới hệ thống. 4. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách tin tức và trang chủ website |
| Ngoại lệ | 3.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  4.1. Hệ thống thông báo Thêm thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý tin tức và nút thêm mới |

Bảng 1. 20 *Chức năng thêm tin tức*

Diagram

Description automatically generated with medium confidence

Biểu đồ 1. 17 Biểu đồ trình tự Thêm tin tức

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 18 Biểu đồ hoạt động Thêm tin tức

### *Chức năng sửa tin tức*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Sửa tin tức |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Sửa tin tức có trong hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn sửa tin tức trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có tin tức cần sửa. Tiếp theo điền đầy đủ các thông tin cần sửa, tin tức đó sẽ được cập nhật lại và hiển thị danh sách tin tức |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý tin tức ( có thể chọn Danh sách) 2. Hiển thị danh sách các tin tức 3. Chọn tin tức cần sửa. Kích sửa 4. Hiển thị màn hình sửa tin tức 5. Nhập thông tin cần sửa và gửi tới hệ thống. 6. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì hiển thị ra màn hình danh sách tin tức và trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 5.1. Hệ thống thông báo các trường không được để trống  6.1. Hệ thống thông báo Sửa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý tin tức và nút sửa |

Bảng 1. 21 *Chức năng sửa tin tức*

Diagram

Description automatically generated with medium confidence

Biểu đồ 1. 19 Biểu đồ trình tự Sửa tin tức

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 20 *Biểu đồ hoạt động Sửa tin tức*

### *Chức năng xóa tin tức*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Xóa tin tức |
| Tác nhân | Quản trị, Nhân viên được phân quyền |
| Mục đích | Xóa tin tức của nhân viên |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Mô tả chung | Quản trị muốn xóa tin tức trước tiên phải đăng nhập vào hệ thống và đã có tin tức cần xóa. Khi xóa tin tức đi hệ thống sẽ tự động cập nhật lại, tin tức đó sẽ bị xóa khỏi danh sách. |
| Luồng sự kiện | 1. Chọn Quản lý tin tức và chọn Danh sách 2. Hiển thị danh sách các tin tức 3. Chọn tin tức cần xóa. Kích xóa 4. Kiểm tra hợp lệ thì tin tức đó sẽ được xóa khỏi danh sách và ở trang chủ website, cập nhật lại CSDL |
| Ngoại lệ | 4.1. Hệ thống thông báo xóa thất bại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu quản trị chưa đăng nhập vào hệ thống thì sẽ không nhìn thấy chức năng quản lý tin tức và nút xóa |

Bảng 1. 22 *Chức năng xóa tin tức*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 21 Biểu đồ trình tự Xóa tin tức

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 22 *Biểu đồ hoạt động Xóa tin tức*

### 

### **3.5. Đặc tả chức năng quản lý giỏ hàng**

### *3.5.1. Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Tác nhân | Khách hàng đã có tài khoản và khách xem (Khách hàng chưa có tài khoản) |
| Mục đích | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Mô tả chung | Khách hàng muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng trước tiên phải chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng và kích nút mua ngay thì sản phẩm sẽ được hiển thị lên danh sách sản phẩm trong giỏ hàng |
| Luồng sự kiện | 1. Tại trang chủ chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng  2. Hiển thị giỏ hàng  3. Kích nút mua ngay  4. Gửi thông tin yêu cầu tới hệ thống  5. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Ngoại lệ | 5.1.Không thêm được vào giỏ hàng |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu khách hàng đã có tài khoản có thể đăng nhập trước khi mua hàng |

Bảng 1. 23 *Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 23 Biểu đồ trình tự Thêm sản phẩm vào giỏ

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 24 *Biểu đồ hoạt động Thêm SP vào Giỏ*

* + 1. *Chức năng Xóa sản phẩm trong giỏ hàng*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Usecase | Xóa sản phẩm trong giỏ hàng |
| Tác nhân | Khách hàng đã có tài khoản và khách xem (Khách hàng chưa có tài khoản) |
| Mục đích | Xóa sản phẩm vào giỏ hàng cho hệ thống |
| Điều kiện tiên quyết | Giỏ hàng đã có sản phẩm |
| Mô tả chung | Khách hàng muốn xóa sản phẩm vào giỏ hàng trước tiên phải có sản phẩm trong giỏ hàng và chọn sản phẩm muốn xóa khi xóa sản phẩm thành công sẽ được cập nhật lại danh sách sản phẩm trong giỏ hàng |
| Luồng sự kiện | 1. Tại trang chủ chọn giỏ hàng  2. Hiển thị thông tin giỏ hàng  3. Chọn sản phẩm muốn xóa. Kích nút xóa tương ứng  4. Gửi thông tin yêu cầu tới hệ thống  5. Kiểm tra thông tin nếu hợp lệ thì xóa sản phẩm trong giỏ hàng |
| Ngoại lệ | 5.1. Không xóa được sản phẩm trong giỏ hàng  3.1 Không có sản phẩm trong giỏ hàng |
| Các yêu cầu đặc biệt | Nếu khách hàng đã có tài khoản có thể đăng nhập trước khi mua hàng |

Bảng 1. 24 *Chức năng Xóa sản phẩm trong giỏ*

Diagram

Description automatically generated

Biểu đồ 1. 25 Biểu đồ trình tự Xóa sản phẩm trong giỏ

**Diagram

Description automatically generated**

Biểu đồ 1. 26 *Biểu đồ hoạt động Xóa SP trong Giỏ*

1. **Thiết kế giao diện:**
   1. **Giao diện đăng nhập**

**Graphical user interface, text, chat or text message

Description automatically generated**

Hình 1. 2 Giao diện Đăng nhập

* 1. **Giao diện đăng ký**

**Graphical user interface, application, Teams

Description automatically generated**

Hình 1. 3 Giao diện Đăng ký

* 1. **Giao diện trang chủ**

**Graphical user interface

Description automatically generated**

Hình 1. 4 Giao diện trang chủ (1)

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 5 Giao diện trang chủ (2)

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 6 Giao diện trang chủ (3)

* 1. **Giao diện trang Sản phẩm**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 7 Giao diện trang sản phẩm (1)

**Graphical user interface, application, website

Description automatically generated**

Hình 1. 8 Giao diện trang sản phẩm (2)

* 1. **Giao diện chi tiết sản phẩm**

**Graphical user interface, text, application

Description automatically generated**

Hình 1. 9 Giao diện chi tiết sản phẩm (1)

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 10 Giao diện chi tiết sản phẩm (2)

* 1. **Giao diện trang tin tức**

**Graphical user interface, text, application, email, website

Description automatically generated**

Hình 1. 11 Giao diện tin tức

* 1. **Giao diện trang chi tiết tin tức**
  2. Graphical user interface, website

     Description automatically generated**Giao diện giỏ hàng**

Hình 1. 12 Giao diện chi tiết tin tức

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 1. 13 Giao diện giỏ hàng

* 1. **Giao diện thông tin người dùng**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 14 Giao diện thông tin người dùng

**Graphical user interface, text, application

Description automatically generated**

Hình 1. 15 Giao diện đổi mật khẩu

* 1. **Giao diện trang Admin Dashboard**
     1. **Giao diện trang Admin Dashboard**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 16 Giao diện Admin dashboard

* + 1. **Giao diện trang Quản lý Sản phẩm**

**Table

Description automatically generated**

Hình 1. 17 Giao diện Quản lý sản phẩm

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 18 Giao diện Thêm mới sản phẩm

* + 1. **Giao diện quản lý Khách hàng**

**Graphical user interface, application, email

Description automatically generated**

Hình 1. 19 Giao diện quản lý khách hàng

* + 1. **Giao diện quản lý Tài khoản**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 20 Giao diện quản lý tài khoản

* + 1. **Giao diện quản lý Tin tức**

**Graphical user interface, text, application

Description automatically generated**

Hình 1. 21 Giao diện quản lý tin tức

* + 1. **Giao diện quản lý Danh mục**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 22 Giao diện Quản lý danh mục

* + 1. **Giao diện quản lý thông tin cá nhân**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 23 Giao diện quản lý thông tin các nhân admin

* + 1. **Giao diện đổi mật khẩu**

**Graphical user interface, application

Description automatically generated**

Hình 1. 24 Giao diện đổi mật khẩu admin

* + 1. **Giao diện quản lý quyền truy cập**

**Graphical user interface, application, Teams

Description automatically generated**

Hình 1. 25 Giao diện quản lý quyền truy cập

# KẾT LUẬN

Xây dựng website giới thiệu và bán các mặt hàng sữa giúp cho việc mua bán online hoặc việc chọn lựa diễn ra một cách thuận tiện và nhanh chóng. Việc sử dụng công cụ máy tính hệ thống mạng máy tính giúp con người làm việc được nhanh chóng đồng thời lưu trữ dữ liệu được lâu dài. Việc xây dựng một website là không thể thiếu ở trong công ty hay là bất kỳ lĩnh vực khác. Ngày nay việc mua sắm online là vô cùng phát triển nhu cầu khách hàng sử dụng cao. Để có thể sử dụng quản lý và thống kê một cách hiệu quả thì người bán phải có một website của riêng cửa hàng. Việc xây dựng website để giới thiệu và bán các mặt hàng sữa vừa giúp việc mua hàng của cac phụ huynh trở nên dễ dàng và đơn giản hơn thì người bán cũng có thể quản lý cửa hàng một cách đơn giản hơn mà vẫn có thể bao quát được hết cửa hàng. Có một website để bán hàng cũng sẽ dễ dàng hơn về mặt thời gian cho việc mua bán vì có thể giao dịch 24/24. Với khả năng phát triển cao internet thì người tiêu dùng có thể liên hệ trực tiếp được với cửa hàng để được chăm sóc khách hàng một cách nhanh nhất vào thời điểm đó.

# TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Tài việc do giảng việc Ths. Phạm Văn Tiệp
2. Website Bán Sữa: <https://www.thmilk.vn/>
3. Website Microsoft: <https://docs.microsoft.com/vi-vn/aspnet/core>
4. Website Datatable: <https://datatables.net/>
5. Website SimpleMDE Markdown Editor: <https://simplemde.com/>